BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 10: Từ 27-03 Đến 02-04-2023

LỚP			10A17	10A18	60TVĐC1	60TVĐC2	60TVĐC3	60TVĐC4	60TVĐC5_BX	60TVĐC6_YL	60TVĐC7A_YL	60TVĐC7B_YL	60TVĐC8_LT	60TVĐL1	60TVĐL2	60TVĐL3	60TVĐT1	60TVĐT2	60TVĐT3	60TVĐT4	60TVĐT5	60TVĐT6_YL	60TVĐT7_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 27-03	Sáng	1												Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.202)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)		
		2																Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.303)				
		3												Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)						
		4												Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)		
		5														Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang ()	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang ()				
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 28-03	Sáng	1												Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.306)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.303)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.406)		
		2																					
		3														Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)			Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.406)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuý (H5.406)		
		4												Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hòa (H5.306)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 29-03	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên ()	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)																			
		7	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.403)																				
		8		Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.307)																			
		9	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)																			
		10		Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.307)																			

LỚP			10A17	10A18	60TVDC1	60TVDC2	60TVDC3	60TVDC4	60TVDC5_BX	60TVDC6_YL	60TVDC7A_YL	60TVDC7B_YL	60TVDC8_LT	60TVĐL1	60TVĐL2	60TVĐL3	60TVĐT1	60TVĐT2	60TVĐT3	60TVĐT4	60TVĐT5	60TVĐT6_YL	60TVĐT7_VT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 30-03	Sáng	1												Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.202)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)		
		2												Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)								
		3														Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.306)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.406)		
		4												Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Văn học 6 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)		
		5												Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.202)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.306)						
	Chiều	6	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.307)																			
		7	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.403)																				
		8		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)																			
		9	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.307)																			
		10		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)																			
Thứ 6 31-03	Sáng	1														Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.106)						
		2																					
		3																					
		4														Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.106)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.106)						
		5																					
	Chiều	6	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Toán học 4 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)										Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.407)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.407)			Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.107)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.102)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.102)		
		7	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.403)															Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.107)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.107)				
		8	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.307)										Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.407)					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.102)		
		9	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán học 4 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)										Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.107)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.102)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.102)		
		10												Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.107)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.102)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.102)		
Thứ 7 01-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 10: Từ 27-03 Đến 02-04-2023

LỚP			60TVGK1	60TVHA1_LT	60TVKT1	60TVKT2	60TVMT1	60TVMT2A_BX	60TVMT2B_BX	60TVMT3_VT	60TVQM1	60TVQM2	60TVQM3	60TVQM4	60TVQM5	60TVS1	60TVS2	60TVS3	60TVVP1	60TVVP2	60TVVP3	60TVVP4	61CDC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 27-03	Sáng	1	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)				Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.302)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.302)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.307)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Ktra: Lập trình PLC -1-2-2022(N01) (...)
		2	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Văn học 6 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)							Văn học 6 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)		Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)							
		3	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.307)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.204)					Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.307)							
		4	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)		Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.304)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.203)	Vật lý 6 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	
		5									Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)										
	Chiều	6																					Lập đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 28-03	Sáng	1	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)		Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)				Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hoa (H5.304)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Địa lý 6 Trần Thị Thanh Hoa (H5.304)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.301)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.404)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.201)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.201)	
		2					Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)							Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.301)					Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)			
		3			Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)					Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)		Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.304)				Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.404)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tính (H5.203)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tính (H5.203)			
		4	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)								Sinh học 6 Lê Thị Thảo ()	Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo ()		Toán học 6 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Tiến Hiển (H5.307)					Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.201)	
		5			Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.301)				Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)		Lịch sử 6 Lưu Thị Thuỷ (H5.304)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.301)			Địa lý 6 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Toán học 6 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)			
	Chiều	6																					Lập đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 29-03	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					Lập đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			60TVGK1	60TVHA1_LT	60TVKT1	60TVKT2	60TVMT1	60TVMT2A_BX	60TVMT2B_BX	60TVMT3_VT	60TVQM1	60TVQM2	60TVQM3	60TVQM4	60TVQM5	60TVS1	60TVS2	60TVS3	60TVVP1	60TVVP2	60TVVP3	60TVVP4	61CDC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 30-03	Sáng	1	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)		Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)				Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.307)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.203)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.201)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.201)	
		2	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.307)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)										Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.307)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Lịch sử 6 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.203)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	
		3	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)							Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)		Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)					
		4	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.307)		Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 6 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)					Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.302)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.307)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.404)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.203)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.201)	
		5					Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)							Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)									
	Chiều	6																					
		7																					Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 31-03	Sáng	1															Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)	Hóa học 6 Nguyễn Thị Tuyến (H5.101)			Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.104)	
		2																					
		3															Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.101)	Vật lý 6 Nguyễn Hoài Anh (H5.101)			Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)	Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.104)	
		4															Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.101)	Văn học 6 Trần Thị Kim Liên (H5.101)			Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.104)	Toán học 6 Nguyễn Văn Trường (H5.104)	
		5																					
	Chiều	6	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)		Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)	Sinh học 6 Nguyễn Thị Hợp (H5.104)	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.402)				Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.401)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.401)	Toán học 6 Kim Thành Nam (H5.402)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Văn học 6 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)			Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.106)	Địa lý 6 Nguyễn Thị Tình (H5.106)			
		7	Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)								Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.401)		Hóa học 6 Trần Thị Hằng (H5.401)			Hóa học 6 Nguyễn Thu Trang (H5.103)			Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.106)	Sinh học 6 Lê Thị Thảo (H5.106)			Lắp đặt và lập trình thiết bị điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()
		8	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.103)		Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Toán học 6 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)						Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)			Văn học 6 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Địa lý 6 Dương Thị Hồng (H5.103)							
		9			Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.104)	Văn học 6 Lê Thị Tố Quyên (H5.104)	Vật lý 6 Chu Thị Tình (H5.402)				Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.101)	Vật lý 6 Phạm Thanh Mai (H5.401)	Vật lý 6 Chu Thị Tình (H5.402)	Lịch sử 6 Lê Thị Quyên (H5.101)				Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)	Văn học 6 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.106)			
		10	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.103)									Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.101)			Sinh học 6 Nguyễn Thị Quyên (H5.101)	Vật lý 6 Nguyễn Thị Vân (H5.103)							
Thứ 7 01-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 10: Từ 27-03 Đến 02-04-2023

LỚP			61CĐL1	61CĐT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCĐC1	61TCĐL1A	61TCĐL1B	61TCĐT1A_VT	61TCĐT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TCMN1	61TCS1A_TA	61TCS1B_TA	61TVCT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 27-03	Sáng	1	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.202.TH. PLC)	Thiết kế các bảng mạch in điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiến- Phay- bào)	Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến báo cáo thuế và quyết toán thuế. Bùi Thu Trang ()		Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Thiết kế đồ hoạ 3D Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Điều khiển khí nén, thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)	Bảo trì, vận hành hệ thống cơ điện tử Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Quản lý sản xuất Ng Hồng Thao (X23.105.TH Đo lường điện)								Tiếng Anh chuyên ngành Quách Hữu Việt ()			Lập đặt tủ điện điều khiển Nguyễn Anh Đức (X23.201.Phòng học Truyền động điện)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6					Bảo dưỡng và sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.101)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.102)				PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy ()	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.102)			
		7										Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.102)							Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.102)				
		8																					
		9								Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.102)					Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Vật lý 2 Phạm Thanh Mai (H5.102)			
		10																					
Thứ 3 28-03	Sáng	1	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Tiến Nghĩa ()	Thiết kế các bảng mạch in điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiến- Phay- bào)	Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến báo cáo thuế và quyết toán thuế. Bùi Thu Trang ()		Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Thiết kế đồ hoạ 3D Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Điều khiển khí nén, thủy lực Đỗ Tiến Phong ()	Bảo trì, vận hành hệ thống cơ điện tử Trần Văn Kiên ()								Tiếng Anh chuyên ngành Quách Hữu Việt ()			Lập đặt tủ điện điều khiển Nguyễn Anh Đức ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Thiết kế các bảng mạch in điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)			Bảo dưỡng và sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Toán học 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.101)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)					Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Hóa học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.103)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.102)			
		7																					
		8																					
		9								Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.101)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.101)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)					Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.103)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)			
		10																					
Thứ 4 29-03	Sáng	1	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Tiến Nghĩa ()	Thiết kế các bảng mạch in điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiến- Phay- bào)			Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Thiết kế đồ hoạ 3D Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Điều khiển khí nén, thủy lực Đỗ Tiến Phong ()	Bảo trì, vận hành hệ thống cơ điện tử Trần Văn Kiên ()								Tiếng Anh chuyên ngành Quách Hữu Việt ()			Lập đặt tủ điện điều khiển Nguyễn Anh Đức ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6					Bảo dưỡng và sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.306_02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)			Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)	Hóa học 2 Trần Thị Hằng (H5.102)				Vi mạch số lập trình Nguyễn Văn Chiều ()	PLC cơ bản Nguyễn Văn Bảy ()	AutoCAD / TOP Solid 1 Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)	Thuật ngữ và tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.207_Khoa SP-KT)				Địa lý 4 Nguyễn Thị Tình (H5.304)
		7																					
		8																					Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)
		9								Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.102)	Vật lý 2 Lê Đức Quảng (H5.102)												
		10																					Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)

LỚP			61CDL1	61CDT1	61CGK1	61CKT1	61CS1	61CS2	61CTT1	61TCCT1	61TCCT2	61TCDC1	61TCDL1A	61TCDL1B	61TCDT1A_VT	61TCDT1B_VT	61TCGK1	61TCKT1	61TCLG1	61TCMN1	61TCS1A_TA	61TCS1B_TA	61TVCT1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 30-03	Sáng	1	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Tiến Nghĩa ()	Thiết kế các bảng mạch in điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiện- Phay- bào)	Lập hồ sơ dự thầu, hồ sơ vay vốn, dự án Trần Việt Anh ()	Bảo dưỡng và sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Quang Tiến (X11.306, 02.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204. Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Thiết kế đồ hoạ 3D Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Điều khiển khí nén, thủy lực Đỗ Tiến Phong ()	Bảo trì, vận hành hệ thống cơ điện tử Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)						Thực hiện các nghiệp vụ tổng hợp Bùi Thu Trang (H3.207_Khoa SP-KT)		Tiếng Anh chuyên ngành Quách Hữu Việt ()			Lập dật tủ điện điều khiển Nguyễn Anh Đức ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6															AutoCAD / TOP Solid 1 Bùi Thị Len (Phòng CAD/CAM/CNC)						Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)
		7																					
		8																					Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)
		9																					Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)
		10																					Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)
Thứ 6 31-03	Sáng	1	Bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt điều hòa không khí gia dụng Nguyễn Tiến Nghĩa (H6.202.TH. PLC)	Thiết kế các bảng mạch in điện tử Hoàng Quyết Tiến (H6.302.TH. ĐTCS-KTCB)	Phay - Phay CNC Bùi Thị Len (TT.Tiện- Phay- bào)			Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Nguyễn Đức Nam (X11.204. Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Thiết kế đồ hoạ 3D Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Điều khiển khí nén, thủy lực Đỗ Tiến Phong (X23.207.Phòng học Điều khiển lập trình)		Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)					Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.103)	Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)	Tiếng Anh chuyên ngành Quách Hữu Việt ()		
		2																					
		3										Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)					Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Vật lý 2 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Hóa học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.102)			
		4																					
		5										Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)							Toán học 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.102)				
	Chiều	6													Vi mạch số lập trình Nguyễn Văn Chiều ()			Thuật ngữ và tiếng anh chuyên ngành Đặng Thị Thu Hà (H3.208_Khoa SP-KT)					Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)
		7																					
		8																					Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)
		9																					Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)
		10																					
Thứ 7 01-04	Sáng	1													Vi mạch số lập trình Nguyễn Văn Chiều ()								
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 10: Từ 27-03 Đến 02-04-2023

LỚP			61TVDC1	61TVDC2	61TVDC3	61TVDC4A_YL	61TVDC4B_YL	61TVDC5A_BX	61TVDC5B_BX	61TVDC6A_BX	61TVDC6B_BX	61TVDL1	61TVDL2	61TVDL3A_VT	61TVDL3B_VT	61TVDL4_VT	61TVDL5A_LT	61TVDL5B_LT	61TVDL6_TD	61TVĐT1	61TVĐT2	61TVĐT3	61TVĐT4_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 27-03	Sáng	1	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đoàn Mạnh Hà ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()								Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Triệu Đình Sơn (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)								Kỹ thuật cảm biến Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Điện tử công suất Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)		
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đoàn Mạnh Hà ()					Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)			Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Nguyễn Việt Cường ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Lưu Quang Hưng ()						Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 28-03	Sáng	1	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Đoàn Mạnh Hà ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trịnh Xuân Bình ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()						Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Triệu Đình Sơn (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)								Kỹ thuật cảm biến Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Điện tử công suất Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)		
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6				Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)											Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 29-03	Sáng	1											Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Triệu Đình Sơn (H6.401_LT Khoa ĐT-ĐL)								Kỹ thuật cảm biến Phạm Đức Tùng (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Điện tử công suất Lê Thị Thanh Tâm (X23.308.Phòng học Đo lường)		
		2		Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Bá Thanh ()		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()					Sử dụng các thiết bị điều khiển Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.307.Phòng học PLC - Rô bốt Công nghiệp)											
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)							Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)							Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	
		7				Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()		Địa lý 4 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Sử dụng các thiết bị điều khiển Lê Trung Thịnh ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Nguyễn Việt Cường ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Lưu Quang Hưng ()				Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)			
		8	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.302)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)							Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.203)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)								Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.202)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.302)	
		9		Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.201)							Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)		
		10	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)																Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	

LỚP			61TVDC1	61TVDC2	61TVDC3	61TVDC4A_YL	61TVDC4B_YL	61TVDC5A_BX	61TVDC5B_BX	61TVDC6A_BX	61TVDC6B_BX	61TVDL1	61TVDL2	61TVDL3A_VT	61TVDL3B_VT	61TVDL4_VT	61TVDL5A_LT	61TVDL5B_LT	61TVDL6_TD	61TVDT1	61TVDT2	61TVDT3	61TVDT4_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 30-03	Sáng	1		Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()															Thiết kế mạch bằng máy tính Phạm Đức Tùng (X23.304.Phòng học Trang bị điện)	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.201)			Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Anh Đức ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Trần Văn Kiên ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.404)							Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.302)	
		7	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.201)							Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.203)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.404)							Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.302)	
		8	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc ()	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hòa (H5.201)							Hóa học 4 Trần Thị Hằng ()	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc ()	
		9	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Hóa học 4 Trần Thị Hằng ()	Hóa học 4 Trần Thị Hằng ()							Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)							Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	
		10		Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)																Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)		
Thứ 6 31-03	Sáng	1		Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()		Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()										Sử dụng các thiết bị điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Nguyễn Việt Cường ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()				Kỹ thuật cảm biến Dương Thanh Huệ ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.201)					Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Ng Hồng Thao ()	Lắp đặt hệ thống nước gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Sử dụng các thiết bị điều khiển Lê Trung Thịnh ()		Sử dụng các thiết bị điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Nguyễn Việt Cường ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.302)	Kỹ thuật cảm biến Dương Thanh Huệ ()
		7	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.302)									Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tính (H5.404)							Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.302)	
		8	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)																			Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.302)	
		9	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.201)	Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.201)							Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)							Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Toán học 4 Nguyễn Thị Huyền (H5.302)	
		10																					
Thứ 7 01-04	Sáng	1				Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Phan Thanh Đạt ()	Lắp đặt mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Thị Hương ()							Sử dụng các thiết bị điều khiển Lê Trung Thịnh ()			Sử dụng các thiết bị điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Nguyễn Việt Cường ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()				Kỹ thuật cảm biến Dương Thanh Huệ ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6												Sử dụng các thiết bị điều khiển Lê Trung Thịnh ()			Sử dụng các thiết bị điều khiển Lưu Quang Hưng ()	Phát triển năng lực quản lý và giao tiếp Nguyễn Việt Cường ()	Tìm hiểu các kiến thức về kỹ thuật lạnh Nguyễn Trí Đức ()				Kỹ thuật cảm biến Dương Thanh Huệ ()
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 10: Từ 27-03 Đến 02-04-2023

LỚP			61TVKT1	61TVKT2	61TVLD1A_YL	61TVLD1B_YL	61TVLD2A_YL	61TVLD2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CĐC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 2 27-03	Sáng	1	Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tiền Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)						Tham gia tuyển dụng và tổ chức công việc Đặng Thị Thu Hà (H3.106)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)			Quản trị mạng với Windowserver Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.104)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H3.101)	Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	LĐ	Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.103)			
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tiền Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP-KT)							Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng ()							Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.103)		Soạn thảo văn bản điện tử Lê Hoàng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Võ Bá Tòng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 3 28-03	Sáng	1			Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Cao Thị Thu ()	Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Hoàng Văn Hùng ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()	Tham gia tuyển dụng và tổ chức công việc Đặng Thị Thu Hà (H3.106)	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)			Quản trị mạng với Windowserver Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Tiếng anh chuyên ngành Phùng Thị Minh Phương (H3.104)	Tiếng anh chuyên ngành Quách Thu Thảo (H3.101)	Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.103)			
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tiền Bùi Thu Trang (H3.206_Khoa SP-KT)							Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng ()							Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Tiếng anh chuyên ngành Lê Thị Châm (H3.103)	LĐ	Soạn thảo văn bản điện tử Lê Hoàng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Võ Bá Tòng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 4 29-03	Sáng	1	Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến tiền Trần Việt Anh (H3.206_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Cao Thị Thu ()	Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Hoàng Văn Hùng ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Lắp mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()		Sửa chữa bộ nguồn máy tính Nguyễn Văn Trình (H3.201_TH KTXS)						Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SẢNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)		Tiếng anh chuyên ngành Kim Thị Thương (H3.103)			
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)					Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Kết nối máy tính với thiết bị ngoại vi Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Sửa chữa bộ nguồn máy tính Hoàng Tùng ()	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.203)	Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.404)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.304)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.406)	Tin học Võ Bá Tòng (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		7	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)											Địa lý 4 Nguyễn Thị Tỉnh (H5.404)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)			Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.306)				
		8		Địa lý 4 Dương Thị Hồng (H5.202)					Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuỳ Ngọc (H5.301)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng (H5.203)	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên ()	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)		Văn học 4 Trần Thị Kim Liên ()	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)		
		9	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)									Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.406)		
		10		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)					Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)													

LỚP			61TVKT1	61TVKT2	61TVLD1A_YL	61TVLD1B_YL	61TVLD2A_YL	61TVLD2B_YL	61TVLG1	61TVMT1	61TVMT2A_BX	61TVMT2B_BX	61TVQM1	61TVQM2	61TVQM3	61TVS1	61TVS2	61TVS3	61TVVP1	61TVVP2	61TVVP3	62CCT1	62CDC1
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 30-03	Sáng	1			Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Cao Thị Thu ()	Bảo dưỡng, sửa chữa máy điện 2 Hoàng Văn Hùng ()	Lập mạch điều khiển trong công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Lập mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()						Ktra: Tiếng anh chuyên ngành-1-2-2022(N02) Phùng Thị Minh Phương (H3.104)		Sửa chữa hệ thống treo, lái, di chuyển Lê Đình Đạt (X11.305_PHÒNG LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)	Sửa chữa hệ thống cung cấp nhiên liệu động cơ Diesel Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SÂNH TẦNG 2)			LD		
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)	Toán học 4 Kim Thành Nam (H5.301)			Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.404)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.303)	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.304)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.406)		
		7	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.204)										Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hoa (H5.203)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.404)	Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Thị Thuỷ (H5.303)		Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.306)				
		8	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.202)					Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.301)			Hóa học 4 Trần Thị Hằng ()	Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)		Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Địa lý 4 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.406)	Tin học Vũ Bá Tông (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		9	Hóa học 4 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)					Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Vật lý 4 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.306)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.303)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.304)	Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)		
		10		Hóa học 4 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)					Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hoa (H5.301)	Địa lý 4 Trần Thị Thanh Hoa (H5.301)					Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)			Sinh học 4 Lê Thị Thảo (H5.304)	Lịch sử 4 Lưu Yến Ngọc (H5.306)				
Thứ 6 31-03	Sáng	1					Lập mạch điều khiển trong công nghiệp Chu Quốc Thái ()	Lập mạch điều khiển trong công nghiệp Nguyễn Văn Tỉnh ()									Bảo dưỡng sửa chữa hệ thống truyền lực Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỢP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)					Soạn thảo văn bản điện tử Lê Hoàng (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.204)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.202)					Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.301)			Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.203)	Toán học 4 Nguyễn Văn Trường (H5.404)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.303)	Văn học 4 Lê Thị Tố Quyên (H5.304)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.306)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.406)		
		7		Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)					Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Văn học 4 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Văn học 4 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)			Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.303)						
		8	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.204)						Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)	Vật lý 4 Nguyễn Hoài Anh (H5.301)				Vật lý 4 Chu Thị Tỉnh (H5.404)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Vật lý 4 Nguyễn Thị Vân (H5.304)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy ()	Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy ()	Tin học Vũ Bá Tông (H3.203_TH Máy tính)	Tin học Phùng Ngọc Hùng (H3.210_TH Tin Ứng dụng)
		9	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.204)	Văn học 4 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)					Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.301)	Hóa học 4 Nguyễn Thu Trang (H5.301)			Toán học 4 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.203)	Văn học 4 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.404)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Quốc Khánh (H5.303)	Toán học 4 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Văn học 4 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)	Sinh học 4 Nguyễn Thị Quyên (H5.406)		
		10																		Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.406)	Lịch sử 4 Lê Thị Quyên (H5.406)		
Thứ 7 01-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																					
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 10: Từ 27-03 Đến 02-04-2023

LỚP			62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CGK2	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVDC1	62TVDC10_YL	62TVDC2	62TVDC3	62TVDC4
THỨ	BUỔI	TIẾT																						
Thứ 2 27-03	Sáng	1	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)		Tin học Ta Ngọc Dũng (H3.209.TH Tin học)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiền ()		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Photoshop Lê Xuân Chung (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Kỹ thuật điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Vật liệu Nguyễn Trí Đức (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiếu (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Vẽ kĩ thuật Phạm Văn Úc (X10.101_PHLT Khoa CK)		Tách: Mạng máy tính-1-2-2022(N11) Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN) Mạng máy tính-1-2-2022(N12) Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)		Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng ()			Thiết bị điện gia dụng Trần Thị Thơm ()	
		2																						
		3																						
		4																						
		5																						
	Chiều	6	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)						Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)					Tin học Phan Hoàng Lan (H3.211_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Dương Mạnh Hà (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)
		7																	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)		Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.304)		
		8																	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		9																	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.202)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.202)
		10																					
Thứ 3 28-03	Sáng	1			Tin học Ta Ngọc Dũng (H3.209.TH Tin học)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiền ()		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Photoshop Lê Xuân Chung (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Kỹ thuật điện Phan Thị Lý ()	Vật liệu Nguyễn Trí Đức (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiếu (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Vẽ kĩ thuật Phạm Văn Úc (X10.101_PHLT Khoa CK)		Tách: Mạng máy tính-1-2-2022(N11) Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN) Mạng máy tính-1-2-2022(N12) Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)					Thiết bị điện gia dụng Trần Thị Thơm ()	
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)						Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)					Tin học Phan Hoàng Lan (H3.211_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Dương Mạnh Hà (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.304)	Vẽ điện Nguyễn Trung Tuệ ()	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.304)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.202)
		7																	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai ()		Vật lí 2 Phạm Thanh Mai ()	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)
		8																	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.202)
		9																					
		10																					
Thứ 4 29-03	Sáng	1	Tin học Vũ Lệ Thu (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Ta Ngọc Dũng (H3.209.TH Tin học)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiền ()		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Photoshop Lê Xuân Chung (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Kỹ thuật điện Phan Thị Lý ()	Vật liệu Nguyễn Trí Đức (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiếu (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Vẽ kĩ thuật Phạm Văn Úc (X10.101_PHLT Khoa CK)		Tách: Mạng máy tính-1-2-2022(N11) Hoàng Tùng (H3.204.TH KHOA TIN) Mạng máy tính-1-2-2022(N12) Lê Hoàng (H2.302_TH QTM)	Tin học Tạ Văn Khoa (H3.111_TH THCB)					Thiết bị điện gia dụng Trần Thị Thơm ()	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.202.Phòng học Máy điện)
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)				Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Vũ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Ktra: Vẽ điện-1-2-2022(N13) (...)					Tin học Phan Hoàng Lan (H3.211_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Dương Mạnh Hà (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)		Vẽ điện Nguyễn Trung Tuệ ()			
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					

LỚP			62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CGK2	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCDC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVDC1	62TVDC10_YL	62TVDC2	62TVDC3	62TVDC4
THỨ	BUỔI	TIẾT																					
Thứ 5 30-03	Sáng	1	Tin học Võ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)			Toán ứng dụng Đặng Đình Hiền ()		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Văn Trính (H3.201_TH KTXS)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Kỹ thuật điện Phan Thị Lý ()	Vật liệu Nguyễn Trí Đức (H6.201.TH Khoa ĐT-ĐL)	Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiếu (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Vẽ kĩ thuật Phạm Văn Úc (X10.101_PHLT Khoa CK)		Tách: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2022(N11) Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính) Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2022(N12) Nguyễn Thị Hường (...)					Kira: Thiết bị điện gia dụng-1-2-2022(N04) (...)	Vẽ điện Nguyễn Duy Thanh ()
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6		Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)	Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.209.TH Tin học)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiền (X10.101_PHLT Khoa CK)			Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Võ Lệ Thu (H3.111_TH THCB)	Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)					Tin học Phan Hoàng Lan (H3.211_TH Tin Đại cương)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Dương Mạnh Hà (X11.304 + SẢNH TẦNG 3)	Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng ()	Vẽ điện Nguyễn Trung Tuệ ()			
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 6 31-03	Sáng	1								Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)				Lắp ráp mạch điện tử Nguyễn Văn Chiếu (X23.301.Phòng học Vi mạch tương tự)	Vẽ kĩ thuật Phạm Văn Úc (X10.101_PHLT Khoa CK)		Tách: Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2022(N11) Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính) Hệ quản trị CSDL Access-1-2-2022(N12) Nguyễn Thị Hường (...)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.304)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.202)
		2			Tin học Tạ Ngọc Dũng (H3.209.TH Tin học)	Toán ứng dụng Đặng Đình Hiền ()		Thống kê doanh nghiệp Trần Huy Quảng (H3.208_Khoa SP-KT)	Kỹ thuật điện – điện tử Nguyễn Văn Trính (H3.201_TH KTXS)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)												
		3																	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		4																				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)
		5																	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		
	Chiều	6		Điện tử cơ bản Nguyễn Minh Khang (H6.301.TH. ĐTCB-KTS)						Toán ứng dụng Lê Đình Đạt (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Võ Quang Anh (X11.207.PHÒNG HỌC NHIÊN LIỆU ĐỘNG CƠ + SẢNH TẦNG 2)	Kỹ thuật điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)						Tin học Tạ Văn Khoa (H3.113_TH THCB)	Thiết bị điện gia dụng Hoàng Văn Hùng ()	Vẽ điện Nguyễn Trung Tuệ ()			
		7																					
		8																					
		9																					
		10																					
Thứ 7 01-04	Sáng	1																					
		2																					
		3																					
		4																					
		5																					
	Chiều	6																	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.304)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)
		7																					
		8																	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)		Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.304)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.202)
		9																					
		10																	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy ()	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy ()

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 10: Từ 27-03 Đến 02-04-2023

LỚP			62TVDC5_BX	62TVDC6_BX	62TVDC7_YL	62TVDC8_YL	62TVDC9_YL	62TVDH1_YL	62TVDH2_YL	62TVDL1	62TVDL2	62TVDL3	62TVDL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 27-03	Sáng	1									Kỹ thuật hàn Đặng Duy Thanh (H6.101)					Lắp ráp mạch điện tử Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)						
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vẽ điện Đỗ Tiến Phong ()	Vẽ điện Phan Thị Lý ()						Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)		Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.302)				Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)		
		7																				
		8								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)		Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Quyên (H5.307)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam ()		
		9								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)		Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)		Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.306)		
		10									Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)				Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)							
Thứ 3 28-03	Sáng	1								Vật liệu Đặng Duy Thanh (H6.202.TH. PLC)		Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (H3.108.TH LĐĐ)		Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)	An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.104)	Lắp ráp mạch điện tử Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)					
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vẽ điện Đỗ Tiến Phong ()	Vẽ điện Phan Thị Lý ()	Kỹ thuật điện Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng ()	Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	Kỹ thuật điện Chu Quốc Thái ()	Kỹ thuật điện Hoàng Văn Quân ()	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.302)		Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.307)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.302)				Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)		
		7									Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.307)				Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.307)							
		8								Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)		Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)		Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)		Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.302)				Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)		
		9								Vật lí 2 Chu Thị Tình (H5.403)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)		Vật lí 2 Chu Thị Tình (H5.403)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.307)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		
		10																				
Thứ 4 29-03	Sáng	1								Vật liệu Đặng Duy Thanh (H6.202.TH. PLC)		Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (H3.108.TH LĐĐ)			An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.104)	Lắp ráp mạch điện tử Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)				Vẽ kĩ thuật Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vẽ điện Đỗ Tiến Phong ()	Vẽ điện Phan Thị Lý ()	Kỹ thuật điện Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng ()	Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	Kỹ thuật điện Chu Quốc Thái ()	Kỹ thuật điện Hoàng Văn Quân ()	Ktra: An toàn lao động-1-2-2022(N01) Nguyễn Thị Ngọc Xuân (H5.101)	Kỹ thuật hàn Đặng Duy Thanh (H6.101)			Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)			Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân ()			Vẽ kĩ thuật Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVDC5_BX	62TVDC6_BX	62TVDC7_YL	62TVDC8_YL	62TVDC9_YL	62TVDH1_YL	62TVDH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1	62TVHA1_LT	62TVHA2_LT
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 30-03	Sáng	1								Vật liệu Đặng Duy Thanh (H6.202.TH. PLC)		Kỹ thuật điện Lê Trung Thịnh (H3.108.TH LĐĐ)			An toàn lao động Lê Đức Quảng (H5.104)	Kt:ra: Lắp ráp mạch điện tủ-1-2-2022(N03) Dương Thanh Huệ (H6.102_Thiết bị khoa ĐL)				Vẽ kĩ thuật Nguyễn Thị Hạnh (X10.01_Xưởng TH Khoa Cơ khí.)		
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vẽ điện Đỗ Tiến Phong ()	Vẽ điện Phan Thị Lý ()	Kỹ thuật điện Trần Thị Thơm ()	Kỹ thuật điện Đặng Việt Hùng ()	Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	Kỹ thuật điện Chu Quốc Thái ()	Kỹ thuật điện Hoàng Văn Quân ()		Kỹ thuật hàn Đặng Duy Thanh (H6.101)			Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)						Kt:ra: Cơ kĩ thuật-1-2-22(N01) (...)		
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 31-03	Sáng	1								Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)		Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Vật lí 2 Nguyễn Hoà Anh (H5.306)	Tách: Gia công cơ khí bổ trợ-1-2-2022(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công cơ khí bổ trợ-1-2-2022(N04) Hồ Sĩ Khương (...)	Vẽ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()
		2																				
		3								Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)		Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.302)				Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)		
		4								Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)								
		5									Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.302)				Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)		
	Chiều	6	Vẽ điện Đỗ Tiến Phong ()				Vẽ điện Phạm Quang Thắng ()	Kỹ thuật điện Chu Quốc Thái ()	Kỹ thuật điện Hoàng Văn Quân ()				Vật liệu Đặng Duy Thanh ()	Kỹ thuật điện Nguyễn Thị Thanh Thủy (X23.303.Phòng học Điện cơ bản)			Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân ()	Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến ()	An toàn lao động Nguyễn Văn Bảy ()		Tách: Gia công cơ khí bổ trợ-1-2-2022(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công cơ khí bổ trợ-1-2-2022(N04) Hồ Sĩ Khương (...)	Vẽ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 01-04	Sáng	1											Vật liệu Đặng Duy Thanh ()				Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân ()	Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến ()	An toàn lao động Nguyễn Văn Bảy ()		Tách: Gia công cơ khí bổ trợ-1-2-2022(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công cơ khí bổ trợ-1-2-2022(N04) Hồ Sĩ Khương (...)	Vẽ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6								Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)	Vật liệu Đặng Duy Thanh ()	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)	Kỹ thuật điện Nguyễn Văn Tân ()	Lắp ráp mạch điện tử Hoàng Quyết Tiến ()	An toàn lao động Nguyễn Văn Bảy ()	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Tách: Gia công cơ khí bổ trợ-1-2-2022(N01) Chu Mạnh Vinh (...) Gia công cơ khí bổ trợ-1-2-2022(N04) Hồ Sĩ Khương (...)	Vẽ kĩ thuật Nguyễn Ngọc Mạnh ()
		7																				
		8								Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.302)		Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.403)	Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.302)				Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)		
		9									Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)				Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Văn Trường (H5.307)							
		10								Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)		Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)		Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.403)		Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.302)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023
Tuần 10: Từ 27-03 Đến 02-04-2023

LỚP			62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 27-03	Sáng	1		Lý thuyết tài chính tiền tệ Trần Thị Thu Phương (H3.205)	Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.105)											Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2022(N07) Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-22(N01) Bạch Trong Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô = SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)			Mạng máy tính Vũ Bá Tông (H2.301_TH LR Máy tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)		Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương ()	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Cụm chuyên đề Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	
		7			Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)					Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)				Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)								
		8	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.204)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)		Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Toán 2 Kim Thành Nam ()	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)		Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường ()
		9	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tình (H5.306)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.303)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thủy (H5.201)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.404)	
		10																				
Thứ 3 28-03	Sáng	1	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)		Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.105)								Ktra: Lập trình căn bản-1-2-2022(N01) Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)		Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2022(N07) Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-22(N01) Bạch Trong Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô = SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)			Mạng máy tính Vũ Bá Tông (H2.301_TH LR Máy tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)		Hệ quản trị CSDL Access Phùng Thị Minh Phương ()	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.306)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.406)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	
		7																				
		8	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.301)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên ()	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.406)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên ()	Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường ()
		9	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.204)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.301)			Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Vật lí 2 Phạm Thanh Mai (H5.203)	Địa lí 2 Trần Thị Thanh Hoa (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.201)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Hoá học 2 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 2 Lê Thị Thảo (H5.201)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.404)	
		10																				
Thứ 4 29-03	Sáng	1	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Trần Thị Thu Phương (H3.104)	Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.106)			Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.105)	Ktra: Quản trị học-1-2-2022(N02) (...)						Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-2022(N07) Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SÂNH TẦNG 3) Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1-1-2-22(N01) Bạch Trong Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô = SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Trần Hanh (Sảnh X11_1.1)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)	Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm (H3.101)	Mạng máy tính Trần Xuân Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Ktra: Lập trình căn bản-1-2-2022(N06) Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6		Nguyễn ý kế toán Lương Thị Hương (H3.205)					Kinh tế vĩ mô Nguyễn Hồng Hạnh (H3.106)	Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Hoàng ()		Mạng máy tính Lê Som Thảo (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Ktra: Xác định bối cảnh nghề và tiến trình đào tạo-1-2-2022(N06) Nguyễn Tuấn Hưng (H3.103)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N01) Trần Hanh (Sảnh X11_1.1) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N05) Phạm Đức Lâm (...)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRỢN - LÁM MÁT+ SÂNH TẦNG 2)	Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm (H3.101)	Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		Cơ sở dữ liệu Nguyễn Thị Hường ()
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2	62TVVP3	62TVVP4_BX
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 30-03	Sáng	1	Soạn thảo văn bản Nguyễn Thị Lan Anh (H3.205)		Lý thuyết tài chính tiền tệ Chu Thị Thu Hoài (H3.106)			Kinh tế vĩ mô Trương Thị Thanh Huyền (H3.105)		Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)				Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Lập trình căn bản Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.110_TH THCB)	Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N03) Trần Hạnh (Sảnh X11_1_1) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N05) Phạm Đức Lâm (...)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Cơ sở dữ liệu Lê Thị Châm ()		Mạng máy tính Vũ Bá Tùng (H2.303_TH LR Mây tính)	
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6		Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương (H3.205)					Kinh tế vi mô Nguyễn Hồng Hạnh (H3.106)		Mạng máy tính Lê Hoàng ()		Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Hệ quản trị CSDL Access Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N03) Trần Hạnh (Sảnh X11_1_1) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N05) Phạm Đức Lâm (...)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)		Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 31-03	Sáng	1	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)	Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương ()	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang ()	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.203)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.301)			Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.303)	Vật lí 2 Nguyễn Thị Vân (H5.406)	Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.201)	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.404)	
		2																				
		3	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển ()			Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	Toán 2 Nguyễn Thị Huyền ()	Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển ()			Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy ()	Toán 2 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hoá học 2 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	Toán 2 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy ()	
		4			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Tiến Hiển (H5.301)					Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)		Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.303)	Vật lí 2 Chu Thị Tính (H5.303)			Hoá học 2 Trần Thị Hằng (H5.404)	
		5	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 2 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)									Sinh học 2 Lê Thị Thảo ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)		Hoá học 2 Nguyễn Thu Trang (H5.306)			Sinh học 2 Lê Thị Thảo ()	Lịch sử 2 Lưu Thị Thuỷ (H5.201)		
	Chiều	6																				
		7		Kra: Kinh tế vĩ mô-1-2-2022(N02) (...)									Mạng máy tính Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Tách: Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N03) Trần Hạnh (Sảnh X11_1_1) Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1-1-2-2022(N05) Phạm Đức Lâm (...)		Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 1 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)		Lập trình căn bản Phùng Thị Minh Phương (H2.203_TH Tin Đại cương)		
		8				Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương ()	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang ()			Hệ quản trị CSDL Access Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Mạng máy tính Lê Hoàng ()											
		9																				
		10																				
Thứ 7 01-04	Sáng	1				Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương ()	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang ()															
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)	Nguyễn lý kế toán Lương Thị Hương ()	Lý thuyết tài chính tiền tệ Bùi Thu Trang ()	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.203)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.203)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.301)			Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.406)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.404)	
		7																				
		8	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 2 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)			Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Ngữ văn 2 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Cụm chuyên đề Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Vật lí 2 Nguyễn Hoài Anh (H5.201)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.404)	
		9																				
		10	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Địa lí 2 Nguyễn Thị Tính (H5.204)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Lịch sử 2 Lưu Yến Ngọc (H5.203)	Sinh học 2 Nguyễn Thị Hợp (H5.301)			Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.306)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Địa lí 2 Dương Thị Hồng (H5.303)	Toán 2 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Ngữ văn 2 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.201)	Lịch sử 2 Lê Thị Quyên (H5.404)	